

CHÍNH SÁCH VÀ QUY TRÌNH

Số Chính Sách và TIÊU ĐỀ:

HPA44 Dịch Vụ Nhạy Cảm

Bộ Phận Chính Chịu Trách

Nhiệm về Chính Sách:

Tuân Thủ

SỐ CHÍNH SÁCH:

HPA44

Bộ phận chịu ảnh hưởng của chính sách/Bộ phận phụ

chịu trách nhiệm về chính sách: Chọn (các) bộ phận chịu trách nhiệm tuân thủ toàn bộ hoặc một phần của chính sách hoặc quy trình được nêu

- 1) ☒ Tất Cả Các Bộ Phận
- 2) ☐ Dịch Vụ Sức Khỏe Hành Vi & Xã Hội (BH/SS)
- 3) ☐ Quản Lý Quyền Lợi (BA)
- 4) ☐ Quản Lý Dịch Vụ Chăm Sóc (CM)

- 5) ☐ Yêu Cầu Bảo Hiểm (CLMS)
- 6) ☐ Thị Trường Cộng Đồng & Sự Tham Gia của Hội Viên (MAR)
- 7) ☐ Tuân Thủ (CMP/HPA)
- 8) ☐ Cấu Trúc (CFG)
- 9) ☐ Quản Lý Hợp Đồng Với Nhà Cung Cấp (CONT)
- 10) ☐ Văn Hóa & Ngôn Ngữ (CL)
- 11) ☐ Dịch Vụ Khách Hàng (CS)
- 12) ☐ Cơ Sở Vật Chất (FAC)
- 13) ☐ Tài Chính (FIN)
- 14) ☐ Nhân Sự (HR)
- 15) ☐ Công Nghệ Thông Tin/Hệ Thống Cốt Lõi (CNTT)
- 16) ☐ Dược Phẩm (PH)
- 17) ☐ Mạng Lưới Nhà Cung Cấp (PRO)

- 18) ☐ Cải Thiện Chất Lượng (QI) và Công Bằng Y
Tế (GRV/HE/HEQ/PHM/QM)
- 19) ☐ Quản Lý Hoạt Động Sử Dụng (UM)
- 20) ☐ Thu Mua (PRM)
- 21) ☐ Hành Chính (SAF/BC/EM)
- 22) ☐ Quản Lý Y Tế (MM)

LOẠI SẢN PHẨM:☒ Medi-Cal**Thay Thế Số Chính Sách:**

Không áp dụng

I. MỤC ĐÍCH

Health Plan of San Joaquin and Mountain Valley
Health Plan (Chương Trình Bảo Hiểm Sức Khỏe) tuân
thủ Đạo Luật Bảo Mật Thông Tin Y Tế (CMIA).

II. CHÍNH SÁCH

A. CMIA cấm nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, Chương Trình Bảo Hiểm Sức Khỏe hoặc nhà thầu tiết lộ thông tin y tế về bệnh nhân, người ghi danh hoặc người đăng ký chương trình bảo hiểm mà không có sự ủy quyền trước, ngoại trừ những trường hợp được quy định.¹ CMIA yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, Chương Trình Bảo Hiểm Sức Khỏe, công ty dược phẩm hoặc nhà thầu tạo, duy trì, bảo quản, lưu trữ, từ bỏ, hủy bỏ, hoặc tiêu hủy hồ sơ y tế phải thực hiện theo cách bảo đảm bảo mật thông tin trong các hồ sơ đó.

¹ Bộ Luật Dân Sự California 56.10 – Đạo Luật Bảo Mật Thông Tin Y Tế

CMIA định nghĩa “thông tin y tế” là bất kỳ thông tin có thể xác định cá nhân nào đó, dưới dạng điện tử hoặc vật lý, mà nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, Chương Trình Bảo Hiểm Sức Khỏe, công ty dược phẩm hoặc nhà thầu đang sở hữu hoặc có được từ các nguồn này, liên quan đến lịch sử y tế, tình trạng tâm thần hoặc thể chất, điều trị hoặc thông tin sức khỏe sinh sản hay tình dục của bệnh nhân.²

- B. Chương Trình Bảo Hiểm Sức Khỏe không hợp tác với bất kỳ yêu cầu điều tra hoặc truy vấn nào từ bất kỳ cá nhân, cơ quan hay bộ phận nào từ một tiểu

² AB244 – Đạo Luật Bảo Mật Thông Tin Y Tế: Thông Tin về Đăng Ký Nhận Dịch Vụ Sức Khỏe Sinh Sản hoặc Tình Dục

bang khác hoặc trong phạm vi cho phép của luật liên bang, với cơ quan thực thi pháp luật liên bang, nếu yêu cầu đó nhằm xác định một cá nhân liên quan đến việc tìm kiếm hoặc thực hiện dịch vụ phá thai hoặc liên quan đến phá thai hợp pháp theo luật California, trừ khi yêu cầu thông tin y tế được ủy quyền theo Mục 56.110 của Bộ Luật Dân Sự³, bao gồm thông tin y tế liên quan đến điều trị, thanh toán và hoạt động.

- C. Chương Trình Bảo Hiểm Sức Khỏe không cố ý tiết lộ, truyền, chuyển, chia sẻ hoặc cấp quyền truy cập vào thông tin y tế trong hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử hoặc thông qua hệ thống trao đổi thông tin

³ AB352 – Thông Tin Sức Khỏe, Mục 56.108 Bộ Luật Dân Sự

y tế, nếu thông tin đó xác định cá nhân và liên quan đến việc tìm kiếm, thực hiện, cung cấp, hỗ trợ hoặc giúp thực hiện phá thai hợp pháp theo luật California, cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào từ tiểu bang khác, trừ khi việc tiết lộ, truyền, chuyển, chia sẻ, hoặc cấp quyền được ủy quyền theo các điều kiện liệt kê trong Mục 56.110(a)(1), (2), (3) và (4) của Bộ Luật Dân Sự.⁴

1. Phần trên không áp dụng đối với các Đối Tác Kinh Doanh của Chương Trình Bảo Hiểm Sức Khỏe đang hoạt động ngoài tiểu bang California và nhằm bảo vệ cá nhân thực hiện hoặc nhận

⁴ AB352 – Thông Tin Sức Khỏe, Mục 56.110 Bộ Luật Dân Sự

dịch vụ phá thai trước bất kỳ hình thức trả đũa nào từ các tiểu bang khác.

D. Chương Trình Bảo Hiểm Sức Khỏe được phép tiết lộ nội dung hồ sơ sức khỏe chứa thông tin y tế được quy định trong Mục 56.110(a) của Bộ Luật Dân Sự cho bất kỳ đối tượng nào sau đây: (a) bệnh nhân hoặc người đại diện cá nhân của họ, phù hợp với Đạo Luật Truy Cập Hồ Sơ Y Tế của Bệnh Nhân, (b) để đáp ứng một lệnh của tòa án tiểu bang California hoặc liên bang, nhưng chỉ trong phạm vi được nêu rõ trong lệnh và phù hợp với Mục 1543 của Bộ Luật Hình Sự, nếu áp dụng, và chỉ khi tất cả thông tin về danh tính và hồ sơ của bệnh nhân được bảo vệ khỏi công khai bằng các cơ chế như hồ sơ thủ tục hoặc phiên tòa được niêm phong,

và (c) khi được luật liên bang yêu cầu rõ ràng, mà luật liên bang này có hiệu lực vượt trội so với luật California, nhưng chỉ trong phạm vi yêu cầu rõ ràng đó. Chương Trình Bảo Hiểm Sức Khỏe không bị cấm hợp tác hoặc tuân thủ điều tra các hoạt động bị xử lý hình sự theo luật California và xảy ra tại California.

III. QUY TRÌNH

A. Chương Trình Bảo Hiểm Sức Khỏe thực hiện kiểm tra tất cả các Đối Tác Kinh Doanh hiện tại để xác định những đối tác nào có quyền truy cập vào PHI của hội viên liên quan đến các dịch vụ nhạy cảm. Với khả năng của mình, Chương Trình Bảo Hiểm Sức Khỏe yêu cầu tất cả các Đối Tác Kinh Doanh

này tuân thủ AB 352 Thông Tin Sức Khỏe, Mục 56.101 của Bộ Luật Dân Sự, theo đó Chương Trình Bảo Hiểm Sức Khỏe yêu cầu tất cả các doanh nghiệp mà Chương Trình Bảo Hiểm Sức Khỏe sử dụng, như đã mô tả trong AB 254, vtừ ngày 1 tháng 7 năm 2024, phải lưu trữ hoặc duy trì thông tin y tế điện tử phục vụ cho việc cung cấp các dịch vụ nhạy cảm, bao gồm nhưng không giới hạn ở hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử thay mặt cho Chương Trình Bảo Hiểm Sức Khỏe để xây dựng các khả năng, chính sách và quy trình liên quan.

Chương Trình Bảo Hiểm Sức Khỏe yêu cầu các doanh nghiệp này thực hiện tất cả các điều sau:

1. Giới hạn quyền truy cập hệ thống thông tin chứa thông tin y tế liên quan đến các dịch vụ

nhạy cảm chỉ cho những cá nhân được ủy quyền truy cập thông tin y tế cụ thể.

2. Ngăn chặn việc tiết lộ, truy cập, truyền, chuyển hoặc xử lý thông tin y tế liên quan đến các dịch vụ nhạy cảm cho các cá nhân và tổ chức bên ngoài tiểu bang California.
3. Tách biệt thông tin y tế liên quan đến các dịch vụ nhạy cảm ra khỏi phần còn lại trong hồ sơ của hội viên.
4. Cung cấp khả năng tự động vô hiệu hóa quyền truy cập thông tin y tế liên quan đến các dịch vụ nhạy cảm đối với các cá nhân và tổ chức ở tiểu

bang khác, ngoại trừ các mục đích điều trị, thanh toán và hoạt động.⁵

- a. Chương Trình Bảo Hiểm Sức Khỏe cũng thêm một bảng câu hỏi mà các Đối Tác Kinh Doanh mới phải hoàn thành như một phần của quy trình tiếp nhận Đối Tác Kinh Doanh, trong đó họ phải tiết lộ xem họ có quyền truy cập PHI của hội viên liên quan đến các dịch vụ nhạy cảm hay không và phải đồng ý tuân thủ các yêu cầu nêu trên của AB 352 Thông Tin Sức Khỏe, Mục 56.101 Bộ Luật Dân Sự.

⁵ AB 352 – Thông Tin Sức Khỏe, Mục 56.101 Bộ Luật Dân Sự, 45CFR164.506(c)

b. Bộ Phận Công Nghệ Thông Tin (CNTT) của Chương Trình Bảo Hiểm Sức Khỏe thực hiện tất cả các yêu cầu nêu trên của AB 352 Thông Tin Sức Khỏe, Mục 56.101 Bộ Luật Dân Sự.⁶

B. Bộ Phận Dịch Vụ Nhà Cung Cấp của Chương Trình Bảo Hiểm Sức Khỏe cung cấp hướng dẫn cho các Nhà Cung Cấp nhằm giúp họ tuân thủ AB 352 Thông Tin Sức Khỏe, Mục 56.101 Bộ Luật Dân Sự, dưới dạng Cảnh Báo Nhà Cung Cấp và thông tin được thêm vào Sổ Tay Nhà Cung Cấp.

⁶ Chính Sách IT402 Quản Lý Quyền Truy Cập Hệ Thống Thông Tin

I. (CÁC) TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

- A. Định Nghĩa về Chương Trình Chăm Sóc Có Quản Lý Medi – Cal của DHCS (Phụ Lục A, Tài Liệu Đính Kèm I, 1.0 Định Nghĩa)
- B. [Liên Kết Bảng Thuật Ngữ](#)
- C. Danh Sách Từ Viết Tắt Trong Hợp Đồng Dịch Vụ Chăm Sóc Có Quản Lý Của Medi-Cal (Phụ Lục A, Tài Liệu Đính Kèm I, 2.0 Từ Viết Tắt)

II. NGUỒN THAM KHẢO

- A. AB 254 – Đạo Luật Bảo Mật Thông Tin Y Tế:
Thông Tin về Đăng Ký Nhận Dịch Vụ Sức Khỏe Sinh Sản hoặc Tình Dục
- B. AB 352 – Thông Tin Sức Khỏe – Mục 56.101 Bộ Luật Dân Sự

- C. AB 352 – Thông Tin Sức Khỏe, Mục 56.108 Bộ Luật Dân Sự
- D. AB 352 – Thông Tin Sức Khỏe, Mục 56.110 Bộ Luật Dân Sự
- E. Bộ Luật Dân Sự California 56.10 – Đạo Luật Bảo Mật Thông Tin Y Tế
- F. Chính Sách IT 402 Quản Lý Quyền Truy Cập Hệ Thống Thông Tin

III. LỊCH SỬ SỬA ĐỔI

***Phiên bản 001 tính đến 01/01/2023**

Phiên Bản*	Tóm Tắt Sửa Đổi	Ngày
001	Tạo và chỉnh sửa Chính Sách HPA44 Dịch Vụ Nhạy Cảm để xóa nội dung từ mục III.a.4.	2/20/2024
Ngày Có Hiệu Lực Ban Đầu: 2/20/2024		

IV. Đánh Giá và Phê Duyệt của Ủy Ban

Tên Ủy Ban	Phiên Bản	Ngày
Ủy Ban Tuân Thủ	001	8/15/2024

Tên Ủy Ban	Phiên Bản	Ngày
Ủy Ban Giám Sát Quyền Riêng Tư & Bảo Mật (PSOC)		
Ủy Ban Đảm Bảo Tính Liên Chính Của Chương Trình		
Ủy Ban Kiểm Tra & Giám Sát		
Đánh Giá Chính Sách	001	6/19/2024
Ủy Ban Giám Sát và Thúc Đẩy Công Bằng Y Tế,		

Tên Ủy Ban	Phiên Bản	Ngày
Cải Thiện Chất Lượng (QIHEC)		
Ủy Ban Quản Lý Hoạt Động và Chất Lượng		
Than Phiền		

V. PHÊ DUYỆT CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ

Cơ Quan	Người Đánh Giá	Phiên Bản	Ngày
Sở Dịch Vụ Chăm Sóc Sức Khỏe (DHCS)			

Cơ Quan	Người Đánh Giá	Phiên Bản	Ngày
Sở Chăm Sóc Sức Khỏe Có Quản Lý (DMHC)	Người Quản Lý Hợp Đồng DMHC	001	6/13/2024

VI. *Chữ ký phê duyệt**

Chữ Ký	Tên Chức Danh	Ngày
	Chủ Tịch Ủy Ban Đánh Giá Chính Sách (PRC)	

Chữ Ký	Tên Chức Danh	Ngày
	Người Chịu Trách Nhiệm về Chính Sách	
	Quản Lý Bộ Phận	
	Tổng Giám Đốc Điều Hành	

*Chữ ký có trong bản lưu hồ sơ, sẽ không có trong bản xuất bản